

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

CHÍNH THỨC

10 - 5 - 2017

**CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM
VINAMILK**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**CHO GIAI ĐOẠN BA THÁNG
TỪ NGÀY 01/01/2017 ĐẾN NGÀY 31/3/2017**

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

NỘI DUNG

	Trang
THÔNG TIN VỀ CÔNG TY	3
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	4
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	5
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG	7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG	11
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG	12
BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	14

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh
THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Giấy chứng nhận 4103001932
Đăng ký Kinh doanh số 0300588569

ngày 20 tháng 11 năm 2003
ngày 18 tháng 1 năm 2017

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300588569 ngày 18 tháng 1 năm 2017. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị	Bà Lê Thị Băng Tâm	Chủ tịch
	Bà Mai Kiều Liên	Thành viên
	Ông Lee Meng Tat	Thành viên
	Ông Nguyễn Hồng Hiến	Thành viên (từ ngày 15 tháng 4 năm 2017)
	Bà Đặng Thị Thu Hà	Thành viên (từ ngày 15 tháng 4 năm 2017)
	Ông Lê Thành Liêm	Thành viên (từ ngày 15 tháng 4 năm 2017)
	Ông Michael Chye Hin Fah	Thành viên (từ ngày 15 tháng 4 năm 2017)
	Ông Nguyễn Bá Dương	Thành viên (từ ngày 15 tháng 4 năm 2017)
	Ông Đỗ Lê Hùng	Thành viên (từ ngày 15 tháng 4 năm 2017)
	Ông Lê Song Lai	Thành viên (đến ngày 14 tháng 4 năm 2017)
	Bà Ngô Thị Thu Trang	Thành viên (đến ngày 14 tháng 4 năm 2017)
	Ông Lê Anh Minh	Thành viên (đến ngày 14 tháng 4 năm 2017)
Ban Điều hành	Bà Mai Kiều Liên	Tổng Giám đốc
	Bà Bùi Thị Hương	Giám đốc Điều hành Nhân sự – Hành chính – Đối ngoại
	Ông Mai Hoài Anh	Giám đốc Điều hành Kinh doanh
		Giám đốc Điều hành Hoạt động (đến ngày 8 tháng 5 năm 2017)
	Ông Lê Thành Liêm	Quyền Giám đốc Điều hành Tài chính
	Ông Phan Minh Tiên	Giám đốc Điều hành Tiếp thị
	Bà Nguyễn Thị Thanh Hòa	Giám đốc Điều hành Chuỗi Cung ứng
	Bà Ngô Thị Thu Trang	Giám đốc Điều hành Dự án
	Ông Trần Minh Văn	Giám đốc Điều hành Sản xuất
	Ông Nguyễn Quốc Khánh	Giám đốc Điều hành Nghiên cứu và Phát triển
	Ông Trịnh Quốc Dũng	Giám đốc Điều hành Phát triển Vùng Nguyên liệu
Ban Kiểm soát	Ông Nguyễn Trung Kiên	Trưởng ban (đến ngày 14 tháng 4 năm 2017)
	Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai	Thành viên (đến ngày 14 tháng 4 năm 2017)
	Ông Vũ Trí Thức	Thành viên (đến ngày 14 tháng 4 năm 2017)
Trụ sở đăng ký	10 Tân Trào Phường Tân Phú, Quận 7 Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Điều hành chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (“Công ty”) phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho giai đoạn ba tháng kết thúc cùng ngày. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ khi không thích hợp để cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán đúng đắn đã được duy trì để thể hiện tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – *Báo cáo Tài chính giữa niên độ*, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Ban Điều hành Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm được trình bày từ trang 7 đến trang 73, báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho giai đoạn ba tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – *Báo cáo Tài chính giữa niên độ*, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Điều hành



Mai Kiều Liên
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2017



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84-8 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam

Chúng tôi đã xoát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam ("Công ty"), bao gồm báo cáo tình hình tài chính riêng tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho giai đoạn ba tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Công ty phê duyệt phát hành ngày 10 tháng 5 năm 2017, được trình bày từ trang 7 đến trang 73.

Trách nhiệm của Ban Điều hành

Ban Điều hành Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công tác soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất cho giai đoạn ba tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-01-148/S



Lâm Thị Ngọc Hảo

Giấy chứng nhận Đăng ký Hành nghề

Kiểm toán số 0866-2013-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 5 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG*Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017***MẪU SỐ B01a-DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**Đơn vị tính : VNĐ*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		19.225.783.348.819	17.801.341.382.408
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	VI.1	1.991.453.982.210	485.358.843.152
1. Tiền	111		391.453.982.210	485.358.843.152
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.600.000.000.000	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	VI.6	10.318.523.488.016	10.368.523.488.016
1. Chứng khoán kinh doanh	121	VI.6a	442.023.488.016	442.023.488.016
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122	VI.6a	-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	VI.6c	9.876.500.000.000	9.926.500.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.205.885.142.039	2.702.207.940.196
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	VI.2	2.266.179.638.015	1.983.880.118.265
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		477.380.125.174	240.402.985.745
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	VI.3a	462.481.189.829	478.323.444.840
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	VI.3a	(665.007.234)	(475.005.167)
6. Tài sản thiếu chờ xử lý	139	VI.4	509.196.255	76.396.513
IV. Hàng tồn kho	140	VI.7	3.636.668.001.307	4.098.729.148.422
1. Hàng tồn kho	141		3.640.235.445.284	4.115.402.639.668
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(3.567.443.977)	(16.673.491.246)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		73.252.735.247	146.521.962.622
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	VI.12a	43.777.636.499	33.324.800.182
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		29.475.098.748	113.197.162.440
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)*Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017***MẪU SỐ B01a-DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**Đơn vị tính : VNĐ*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
B- TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		10.582.398.201.484	10.321.862.962.386
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		14.414.237.505	15.126.638.176
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	VI.3b	6.456.333.502	7.245.908.762
2. Phải thu dài hạn khác	216		7.957.904.003	7.880.729.414
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		6.081.125.025.391	5.790.522.519.072
1. Tài sản cố định hữu hình	221	VI.9	5.906.114.538.669	5.612.296.370.375
- Nguyên giá	222		11.397.872.422.333	10.748.406.433.591
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(5.491.757.883.664)	(5.136.110.063.216)
2. Tài sản cố định vô hình	227	VI.10	175.010.486.722	178.226.148.697
- Nguyên giá	228		298.476.795.932	297.619.795.932
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(123.466.309.210)	(119.393.647.235)
III. Bất động sản đầu tư	230	VI.11	135.629.558.370	134.895.415.278
- Nguyên giá	231		179.678.050.557	176.272.511.838
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(44.048.492.187)	(41.377.096.560)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		649.204.826.883	430.308.443.075
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241	VI.8	-	-
2. Xây dựng cơ bản dở dang	242		649.204.826.883	430.308.443.075
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.378.377.802.444	3.616.419.284.278
1. Đầu tư vào công ty con	251	VI.6b	2.866.010.823.122	3.126.810.823.122
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	VI.6b	319.289.808.669	319.289.808.669
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	VI.6b	10.570.276.240	10.570.276.240
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	VI.6b	(7.493.105.587)	(30.251.623.753)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	VI.6c	190.000.000.000	190.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		323.646.750.891	334.590.662.507
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	VI.12b	301.034.914.339	299.939.849.755
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	VI.21a	22.611.836.552	34.650.812.752
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		29.808.181.550.303	28.123.204.344.794

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)*Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017***MẪU SỐ B01a-DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**Đơn vị tính : VNĐ*

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
C- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		5.096.628.721.418	6.329.270.261.772
I. Nợ ngắn hạn	310		4.999.658.038.502	6.233.534.218.272
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	VI.13	2.146.362.306.819	2.568.934.375.909
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		29.071.764.166	35.900.744.953
3. Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước	313	VI.15	735.215.608.951	245.031.363.448
4. Phải trả người lao động	314		108.621.953.355	166.926.421.131
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	VI.16	1.081.013.563.960	984.149.487.382
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	VI.17a	759.863.334	2.629.190.398
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	VI.18	578.759.688.472	574.093.150.299
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	VI.14	-	1.200.000.000.000
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	VI.19a	2.355.567.358	889.995.571
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	VI.20	317.497.722.087	454.979.489.181
II. Nợ dài hạn	330		96.970.682.916	95.736.043.500
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	VI.17b	1.663.272.218	-
5. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
6. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
7. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	VI.21b	-	-
8. Dự phòng phải trả dài hạn	342	VI.19b	95.307.410.698	95.736.043.500

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)*Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017***MẪU SỐ B01a-DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**Đơn vị tính : VNĐ*

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5
D- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400	VI.22	24.711.552.828.885	21.793.934.083.022
I. Vốn chủ sở hữu	410		24.711.552.828.885	21.793.934.083.022
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		14.514.534.290.000	14.514.534.290.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		14.514.534.290.000	14.514.534.290.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		260.699.620.761	260.699.620.761
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	415		(3.698.257.400)	(1.176.335.920)
5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
6. Quỹ đầu tư phát triển	418		2.119.418.011.735	1.794.957.937.585
7. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
8. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		7.820.599.163.789	5.224.918.570.596
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		5.224.918.570.596	2.666.821.870.886
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		2.595.680.593.193	2.558.096.699.710
9. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		29.808.181.550.303	28.123.204.344.794

Quyền Giám đốc điều hành Tài chính
kiêm Kế toán trưởng


Lê Thành Liêm*Lập ngày 10 tháng 5 năm 2017,***Tổng Giám đốc**

Mai Kiều Liên*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này*

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG*Lũy kế 3 tháng năm 2017***MẪU SỐ B02a-DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**Đơn vị tính : VNĐ*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế 3 tháng	
			Năm nay	Năm trước (trình bày lại)
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VII.1	11.114.789.838.470	9.577.099.914.346
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VII.1	13.972.952.667	26.772.939.210
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VII.1	11.100.816.885.803	9.550.326.975.136
4. Giá vốn hàng bán	11	VII.2	5.619.641.177.857	4.811.905.003.149
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		5.481.175.707.946	4.738.421.971.987
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VII.3	627.378.545.609	162.566.249.077
7. Chi phí tài chính	22	VII.4	(3.798.351.393)	(32.770.948.101)
<i>Trong đó : Chi phí lãi vay</i>	23		<i>9.310.000.000</i>	<i>3.984.386.101</i>
8. Chi phí bán hàng	25	VII.7	2.179.061.011.027	2.247.438.189.626
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VII.7	167.225.276.330	153.095.022.319
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		3.766.066.317.591	2.533.225.957.220
11. Thu nhập khác	31	VII.5	15.207.453.742	30.893.864.324
12. Chi phí khác	32	VII.6	5.255.181.364	542.681.800
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		9.952.272.378	30.351.182.524
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		3.776.018.589.969	2.563.577.139.744
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VII.8	519.378.872.276	436.921.245.847
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VII.9	12.038.976.200	833.212.911
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		3.244.600.741.493	2.125.822.680.986

(Số liệu kỳ trước đã được kiểm toán)

Quyền Giám đốc điều hành Tài chính
kiêm Kế toán trưởng


Lê Thành Liêm*Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này**Lập ngày 10 tháng 5 năm 2017,***Tổng Giám đốc**

Mai Kiều Liên

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG*(Theo phương pháp gián tiếp)***Lũy kế 3 tháng năm 2017****SỐ B03a-DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC**ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)**Đơn vị tính: VNĐ*

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế 3 tháng	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		3.776.018.589.969	2.563.577.139.744
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02	VI.9 VI.10 VI.11	232.402.724.401	223.194.769.924
- Các khoản dự phòng	03		(28.537.907.772)	(55.772.126.800)
- (Lãi)/Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		2.045.337.290	4.879.483.004
- (Lãi)/Lỗ từ thanh lý tài sản cố định hữu hình và xây dựng cơ bản dở dang	05		(492.020.871)	(21.200.000)
- Thu nhập lãi và cổ tức	05		(185.273.671.383)	(152.337.461.815)
- (Lãi)/Lỗ do sáp nhập công ty con	05		(430.894.168.467)	-
- (Lãi)/Lỗ từ các hoạt động đầu tư khác	05		-	-
- Chi phí lãi vay	06	VII.4	9.310.000.000	3.984.386.101
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		3.374.578.883.167	2.587.504.990.158
- (Tăng) / giảm các khoản phải thu	09		(287.559.408.042)	(413.450.325.143)
- (Tăng) / giảm hàng tồn kho	10		576.265.717.516	(260.504.618.659)
- Tăng / (giảm) các khoản phải trả	11		(227.871.272.015)	(423.807.048.250)
- (Tăng) / giảm chi phí trả trước	12		(5.737.296.155)	17.516.650.781
- (Tăng) / giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	391.650.000
- Tiền lãi vay đã trả	14		(30.366.388.889)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	VI.15	(179.624.654.212)	(102.301.936.963)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(462.457.515.666)	(441.639.435.225)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.757.228.065.704	963.709.926.699
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(315.268.345.534)	(132.630.515.713)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		2.176.215.485	7.130.845.545
3. Tiền chi cho vay	23		-	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

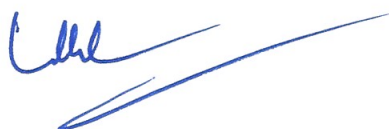
Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế 3 tháng	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
4. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
5. Tiền thu hồi cho vay	24		789.575.260	1.270.751.997
6. Tiền thu từ bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
7. (Tiền chi)/Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24		50.000.000.000	(950.000.000.000)
8. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(246.920.000.000)	(58.100.000.000)
9. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		273.192.164.317	-
10. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		187.852.732.727	150.315.313.681
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(48.177.657.745)	(982.013.604.490)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(2.521.921.480)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	VI.14	(1.200.000.000.000)	-
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(1.202.521.921.480)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		1.506.528.486.479	(18.303.677.791)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		485.358.843.152	1.067.935.585.325
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái	61		(433.347.421)	(2.090.314.169)
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70		1.991.453.982.210	1.047.541.593.365

Quyền Giám đốc điều hành Tài chính
kiêm Kế toán trưởng


Lê Thành Liêm

Lập ngày 10 tháng 5 năm 2017,



Tổng Giám đốc


Mai Kiều Liên

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

BẢNG THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 đến ngày 31 tháng 3 năm 2017

(Bảng thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm)

I. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

Các thời điểm quan trọng liên quan đến việc hình thành và phát triển của Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam (“Công ty”) được ghi nhận như sau:

- + Ngày 29/04/1993: Công ty Sữa Việt Nam (loại hình Doanh Nghiệp Nhà Nước) được thành lập theo Quyết định số 420/CNN/TCLD của Bộ Công Nghiệp Nhẹ.
- + Ngày 01/10/2003: Công ty được cổ phần hoá từ Doanh nghiệp Nhà Nước của Bộ Công Nghiệp theo Quyết định 155/2003/QĐ-BCN.
- + Ngày 20/11/2003: Công ty đăng ký trở thành một Công ty Cổ phần và bắt đầu hoạt động theo Luật Doanh Nghiệp Việt Nam và được Sở Kế hoạch và Đầu tư TP HCM cấp Giấy phép Đăng ký Kinh doanh số 4103001932.
- + Ngày 28/12/2005: Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép niêm yết số 42/UBCK-GPNY.
- + Ngày 19/01/2006: Cổ phiếu của Công Ty được niêm yết trên Thị trường chứng khoán TP HCM.

Trụ sở chính theo giấy phép được đặt tại địa chỉ số 10 đường Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Hoạt động chính

Theo Giấy phép Đăng ký Kinh doanh, công ty được phép thực hiện các lĩnh vực và ngành nghề như sau:

- a. Sản xuất và kinh doanh bánh, sữa đậu nành, nước giải khát, sữa hộp, sữa bột, bột dinh dưỡng và các sản phẩm từ sữa khác;
- b. Kinh doanh thực phẩm công nghệ, thiết bị phụ tùng, vật tư, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), nguyên liệu;
- c. Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê (theo quy định tại điều 11.3 Luật Kinh doanh Bất động sản năm 2014);
- d. Kinh doanh kho, bến bãi, vận tải;
- e. Vận tải hàng hóa nội bộ bằng ô tô phục vụ cho hoạt động sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của công ty;

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BẢO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

- f. Sản xuất, mua bán rượu, bia, đồ uống không cồn, nước khoáng, thực phẩm chế biến, chè uống, cà phê rang-xay-phin-hòa tan (không sản xuất chế biến tại trụ sở);
- g. Sản xuất và mua bán bao bì, sản phẩm nhựa (không hoạt động tại trụ sở);
- h. Phòng khám đa khoa (không hoạt động tại trụ sở);
- i. Chăn nuôi, trồng trọt.

3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

4. Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, Công ty có 5 Công ty con, 3 Công ty liên doanh, liên kết (01/01/2017: 6 Công ty con, 3 Công ty liên doanh, liên kết) và đơn vị trực thuộc như sau:

	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết
+ Công ty con:			
– Công ty TNHH Một Thành viên Sữa Lam Sơn (*) (Khu Công Nghiệp Lễ Môn, Thành phố Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa)	Sản xuất sữa	100%	100%
– Công ty TNHH Một Thành viên Bò Sữa Việt Nam (10 Tân Trào, Phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh)	Chăn nuôi bò sữa	100%	100%
– Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa (Khu phố 1, Thị trấn Thống nhất, huyện Yên Định, Tỉnh Thanh Hóa)	Sản xuất sữa, chăn nuôi	96,11%	96,11%
– Driftwood Dairy Holdings Corporation (Số 10724, đường Lower Azusa và El Monte Boulevards Intersection, California 91731-1390, Mỹ)	Sản xuất sữa	100%	100%
– Angkor Dairy Products Co., Ltd. (Lô P2-096 và P2-097, Đặc khu kinh tế Phnom Penh (PPSEZ), Quốc lộ 4, Khan posenchey, Phnom Penh, Vương Quốc Campuchia)	Sản xuất sữa	51%	51%
– Vinamilk Europe Spółka Z Ograniczona Odpowiedzialnoscia (Ul. Gwiazdzista 7a/401-651 Warszawa, Ba Lan)	Bán buôn nguyên liệu sữa, động vật sống	100%	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

	Hoạt động chính	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ quyền biểu quyết
+ Công ty liên doanh, liên kết:			
– Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn (Lô C-9E-CN, đường DE6, KCN Mỹ Phước 3, phường Thới Hòa, Tx. Bến Cát, Bình Dương)	Sản xuất nguyên liệu sữa	15%	15%
– Miraka Limited 109 Tuwharetoa, Taupo, New Zealand	Sản xuất sữa	22,81%	22,81%
– Công ty Cổ phần APIS (Số 18A, VSIP II-A, đường 27, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II-A, Phường Vĩnh Tân, Huyện Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương)	Bán buôn nguyên liệu thực phẩm	18%	18%

(*) Công ty con này được sáp nhập vào Công ty trong tháng 3 năm 2017 và tiếp tục hoạt động như một chi nhánh của Công ty sau khi được sáp nhập.

+ Đơn vị trực thuộc:

Các chi nhánh bán hàng:

1/ Chi nhánh Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam tại Hà Nội - Tầng 11, Tháp B, Tòa nhà Handi Resco, 521 Kim Mã, Phường Ngọc Khánh, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội.

2/ Chi nhánh Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam tại Đà Nẵng – Tầng 7 Tòa nhà Bưu Điện, 271 Nguyễn Văn Linh, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng

3/ Chi nhánh Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam tại Cần Thơ - Số 77-77B Võ Văn Tần, Phường Tân An, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

Các nhà máy sản xuất:

1/ Nhà máy Sữa Thống Nhất - Số 12 Đặng Văn Bi, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Nhà máy Sữa Trường Thọ - Số 32 Đặng Văn Bi, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Nhà máy Sữa Dielac - Khu Công nghiệp Biên Hòa I, tỉnh Đồng Nai.

4/ Nhà máy Sữa Cần Thơ - Khu Công nghiệp Trà Nóc, Thành phố Cần Thơ.

5/ Nhà máy Sữa Sài Gòn - Khu CN Tân Thới Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

6/ Nhà máy Sữa Nghệ An - Đường Sào Nam, xã Nghi Thu, Thị xã Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An.

7/ Nhà máy Sữa Bình Định - 87 Hoàng Văn Thụ, Phường Quang Trung, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

8/ Nhà máy Nước Giải khát Việt Nam - Khu Công nghiệp Mỹ Phước II, Tỉnh Bình Dương.

9/ Nhà máy Sữa Tiên Sơn - Khu Công nghiệp Tiên Sơn, Tỉnh Bắc Ninh.

10/ Nhà máy Sữa Đà Nẵng – Khu Công nghiệp Hòa Khánh, Thành phố Đà Nẵng.

11/ Nhà máy Sữa bột Việt Nam - 9 Đại lộ Tự Do – Khu công nghiệp Việt Nam-Singapore, Huyện Thuận An, Tỉnh Bình Dương.

12/ Nhà máy Sữa Việt Nam - Khu Công nghiệp Mỹ Phước II, Tỉnh Bình Dương.

13/ Nhà máy Sữa Lam Sơn – Khu Công nghiệp Lễ Môn, TP. Thanh Hóa, Tỉnh Thanh Hóa.

Kho vận:

1/ Xí nghiệp Kho Vận Hồ Chí Minh - Số 32 Đặng Văn Bi, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Xí nghiệp Kho Vận Hà Nội – Km 10 Quốc lộ 5, Xã Dương Xá, Quận Gia Lâm, Thành phố Hà Nội.

Phòng khám:

Phòng khám đa khoa An Khang – 184-186-188 Nguyễn Đình Chiểu, Phường 6, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, Công ty có 5.553 nhân viên (01/01/2017: 5.383 nhân viên).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2. Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (VNĐ) cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

- Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ban hành ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính.
- Các thông tin tài chính đã được soạn lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam VAS 27 – Báo cáo tài chính giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

- Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo Tài chính giữa niên độ, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty, báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty.
- Không có Chuẩn mực Kế toán Việt Nam mới được ban hành hoặc sửa đổi có hiệu lực cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

4. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ được lập theo phương pháp gián tiếp.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.
- Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

1. Tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

a. Đối với các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ:

- Được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại thời điểm phát sinh giao dịch, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các giao dịch này được ghi nhận là thu nhập và chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

b. Đối với đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ:

- Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Công ty đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ như sau:
 - + Các khoản Vốn bằng tiền, Công nợ phải thu: Đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch và có số dư ngoại tệ lớn nhất tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.
 - + Các khoản công nợ phải trả: Đánh giá lại theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch và có số dư ngoại tệ lớn nhất tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.
- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng (theo thông tư 179/2012/TT-BTC).

c. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ:

Thời điểm	Ngân hàng	Tỷ giá mua	Tỷ giá bán
01/01/2017	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN.HCM	22.700 VNĐ/USD	22.790 VNĐ/USD
31/3/2017	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN.HCM	22.710 VNĐ/USD	22.780 VNĐ/USD

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền

a. Tiền và nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền:

- Tiền: bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn), tiền đang chuyển.
- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền:
 - + Các khoản tiền mặt: căn cứ vào các phiếu thu, phiếu chi tiền mặt.
 - + Các khoản tiền gửi ngân hàng: căn cứ vào giấy báo Nợ hoặc báo Có của Ngân hàng kết hợp với sổ phụ hoặc bảng xác nhận số dư của các ngân hàng tại từng thời điểm.
 - + Các khoản tiền đang chuyển: dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

b. Các khoản tương đương tiền:

Là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, tiền gửi có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

a. Chứng khoán kinh doanh

- Chứng khoán kinh doanh bao gồm các loại chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể các chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời), như: Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán; các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác;
- Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:
 - + Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
 - + Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật Việt Nam.
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá trị ghi sổ theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009.
- Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán kinh doanh này tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng được hoàn nhập trong phạm vi không làm giá trị ghi sổ của các chứng khoán vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

b. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản mà Ban Điều hành Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.
- Bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.
- Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

c. Các khoản cho vay

- Là các khoản cho vay theo khế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.
- Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

d. Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác:

- Bao gồm các khoản đầu tư vào công ty con; công ty liên doanh, liên kết và các khoản đầu tư góp vốn khác với mục đích nắm giữ lâu dài. Giá phí các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

▪ Công ty con

- Công ty con là những đơn vị mà Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Công ty có quyền kiểm soát đơn vị hay không.
- Trường hợp Công ty giải thể công ty con và sáp nhập toàn bộ tài sản và nợ phải trả của công ty con vào Công ty (Công ty kế thừa toàn bộ quyền lợi và nghĩa vụ của công ty con), Công ty ghi giảm giá trị ghi sổ khoản đầu tư vào công ty con và ghi nhận toàn bộ tài sản, nợ phải trả của công ty con bị giải thể vào Báo cáo tình hình tài chính của Công ty theo giá trị hợp lý tại ngày sáp nhập; phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư vào công ty con và giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

▪ Công ty liên kết

- Công ty liên kết là tất cả các doanh nghiệp trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.
- Dự phòng giảm giá cho khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty tại các đơn vị nhận đầu tư theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.
- Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ trước đó đã được lập dự phòng. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi không làm giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

- Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị hợp lý của khoản thu hồi được so với giá trị ghi sổ của khoản đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính (nếu lãi) hoặc chi phí tài chính (nếu lỗ).

4. Nguyên tắc kế toán Nợ phải thu

- Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.
- Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:
 - + Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán, như: Phải thu về bán hàng, cung cấp dịch vụ, thanh lý, nhượng bán tài sản (TSCĐ, BĐSĐT, các khoản đầu tư tài chính) giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu từ các bên liên quan như công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
 - + Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán, như:
 - Các khoản phải thu tạo ra doanh thu hoạt động tài chính, như: khoản phải thu về lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia;
 - Các khoản chi hộ bên thứ ba được quyền nhận lại; các khoản bên nhận ủy thác xuất khẩu phải thu hộ cho bên giao ủy thác;
 - Các khoản phải thu không mang tính thương mại như cho mượn tài sản, phải thu về tiền phạt, bồi thường, tài sản thiếu chờ xử lý...
- Các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ đã được xem xét, phê duyệt .
- Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính riêng căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.
- Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- Hàng tồn kho được ghi nhận trên cơ sở giá gốc là giá bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được (giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng cách lấy giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng).
- Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên cấp độ hoạt động bình thường.

b. Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:

- Các loại nguyên vật liệu, nhiên liệu, vật tư phụ tùng, thành phẩm, công cụ, hàng hóa được áp dụng phương pháp bình quân gia quyền khi xác định giá xuất kho.
- Hàng tồn kho nhập khẩu trong kỳ được ghi nhận tăng theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh, khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào doanh thu, chi phí tài chính. Phần thuế nhập khẩu phải nộp được xác định theo tỷ giá tính thuế nhập khẩu của cơ quan Hải quan theo quy định của pháp luật hiện hành.

c. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

d. Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ Tài Chính.

6. Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013.

a. Nguyên tắc kế toán tài sản cố định hữu hình, vô hình:

▪ Tài sản cố định hữu hình:

- Giá trị Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên tắc: Nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.
- Nguyên giá Tài sản cố định bao gồm bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

- Nguyên giá Tài sản cố định nhập khẩu sẽ được ghi nhận theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh, khoản chênh lệch tỷ giá khi thanh toán các khoản mua sắm Tài sản cố định được hạch toán vào doanh thu, chi phí tài chính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu Tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng chúng thực sự cải thiện trạng thái hiện tại so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.
- Khi Tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.
- **Tài sản cố định vô hình:**
 - Quyền sử dụng đất bao gồm các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...
 - Quyền sử dụng đất gồm có:
 - + Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
 - + Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp;
 - + Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.
 - Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất.
 - Phần mềm máy tính bao gồm các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm nghiệm thu và đưa phần mềm vào sử dụng, trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

b. Phương pháp khấu hao:

- Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng. Thời gian sử dụng hữu ích (liên quan đến tỷ lệ khấu hao) cụ thể như sau:

Nhóm Tài sản cố định	Thời gian (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 50
Máy móc, thiết bị	2 – 15
Phương tiện vận tải	6 – 10
Thiết bị văn phòng	3 – 10

- Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. TSCĐ vô hình là quyền sử dụng đất không thời hạn được ghi nhận theo giá gốc và không tính khấu hao.
- Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 2 - 6 năm.

7. Nguyên tắc ghi nhận Bất động sản đầu tư

- Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, hoặc một phần của nhà hay cả nhà và đất, cơ sở hạ tầng mà Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá mà không phải dùng trong sản xuất, cung cấp hàng hóa hay dịch vụ, dùng cho các mục đích quản lý hoặc bán trong kỳ sản xuất kinh doanh thông thường.
- Nguyên giá của Bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được Bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.
- Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

- Khấu hao: Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để trừ dần nguyên giá tài sản qua suốt thời gian hữu dụng ước tính. Công ty không trích khấu hao đối với bất động sản đầu tư chờ tăng giá. Thời gian sử dụng hữu ích (liên quan đến tỷ lệ khấu hao) cụ thể như sau:

Nhóm Bất động sản đầu tư	Thời gian (năm)
Quyền sử dụng đất	49
Cơ sở hạ tầng	10
Nhà cửa	6 – 50

- Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

8. Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

9. Nguyên tắc kế toán thuế TNDN hoãn lại

- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại/thuế thu nhập hoãn lại phải trả: Là thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được hoàn lại/phải trả trong tương lai tính trên các khoản chênh lệch tạm thời.
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại: Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng.
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả: Được ghi nhận cho những chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch không ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lãi (hoặc lỗ) chịu thuế tại ngày giao dịch.
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ mà tài sản được thu hồi dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

10. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

- Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc phân bổ các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.
- Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tình hình tài chính riêng căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.
- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước tuân thủ theo nguyên tắc:
 - + Theo thời gian hữu dụng xác định: Phương pháp này áp dụng cho các khoản tiền thuê nhà, thuê đất trả trước.
 - + Theo thời gian hữu dụng quy ước: Phương pháp này áp dụng cho các khoản chi phí quảng cáo, chi phí sửa chữa lớn, công cụ dụng cụ phân bổ.

a. Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê (“Thông tư 45”). Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

b. Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VNĐ và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 1 đến 4 năm.

c. Chi phí trả trước dài hạn khác

- Chi phí trả trước dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

11. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

- Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.
- Các khoản nợ phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác được ghi nhận theo nghĩa vụ thực tế phát sinh theo nguyên tắc:
 - + Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả với các bên liên quan như công ty con, công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
 - + Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ:
 - Các khoản phải trả liên quan đến chi phí tài chính, như: khoản phải trả về lãi vay, cổ tức và lợi nhuận phải trả, chi phí hoạt động đầu tư tài chính phải trả;
 - Các khoản phải trả do bên thứ ba chi hộ; Các khoản tiền bên nhận ủy thác nhận của các bên liên quan để thanh toán theo chỉ định trong giao dịch ủy thác xuất nhập khẩu;
 - Các khoản phải trả không mang tính thương mại như phải trả do mượn tài sản, phải trả về tiền phạt, bồi thường, tài sản thừa chờ xử lý, phải trả về các khoản BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ...
- Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính riêng căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

- Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.
- Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa.

13. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

- Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.
- Công ty ghi nhận chi phí phải trả theo các nội dung chi phí chính sau:
 - + Chi phí khuyến mãi phải trả: được trích trước chi phí theo tiến độ chương trình (chủ yếu theo tiêu thức doanh thu).
 - + Chi phí quảng cáo phải trả: được trích theo tiến độ thực hiện.
 - + Chi phí thuê nhà, đất phải trả: trích trước theo thời gian thực hiện của hợp đồng.
 - + Các chi phí phải trả khác theo nội dung hợp đồng quy định.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

- Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.
- Giá trị của khoản dự phòng phải trả được ghi nhận trên các ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ cuối kỳ kế toán.
- Công ty ghi nhận các khoản dự phòng phải trả theo các nội dung chính sau:
 - + Dự phòng trợ cấp thôi việc theo quy định của Luật Bảo Hiểm Xã Hội và các văn bản hướng dẫn hiện hành:
 - Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.
 - Khoản dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện tại ngày 31 tháng 3 năm 2017 được lập dựa trên số năm làm việc của nhân viên, là tổng thời gian làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc, và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

- + Dự phòng sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ (theo yêu cầu kỹ thuật).
- + Dự phòng phải trả khác.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

- Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); Không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, và doanh thu chưa thu được tiền từ hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ.
- Doanh thu nhận trước được phân bổ căn cứ trên việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ đã thu tiền trước.

16. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn góp của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông.
 - + Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu đồng thời được theo dõi chi tiết đối với cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết và cổ phiếu ưu đãi. Hiện tại Công ty chỉ có cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết.
 - + Thặng dư vốn cổ phần: là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.
 - + Mua lại và phát hành lại cổ phiếu phổ thông (cổ phiếu quỹ): Khi cổ phiếu được ghi nhận như vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền đã trả để mua cổ phiếu, bao gồm các chi phí có liên quan trực tiếp, trừ các ảnh hưởng của thuế, được ghi nhận như một khoản giảm trừ vào vốn chủ sở hữu. Việc mua lại cổ phiếu được phân loại như cổ phiếu quỹ theo vốn chủ sở hữu. Khi các cổ phiếu quỹ này được bán hoặc phát hành lại, số tiền thu được ghi nhận như một khoản tăng thêm của vốn chủ sở hữu và kết quả của việc thặng dư hay thiếu hụt giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu quỹ, tính theo phương pháp bình quân gia quyền, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.
- Vốn khác: hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản.
- Lợi nhuận sau thuế của Công ty được trích chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ dự trữ theo Điều lệ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

- Cổ tức được công bố và chi trả dựa trên số lợi nhuận ước tính đạt được. Cổ tức chính thức được công bố và chi trả trong niên độ kế tiếp từ nguồn lợi nhuận chưa phân phối căn cứ vào sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty.
- Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Công ty như sau:
 - + Quỹ đầu tư phát triển trích 10% lợi nhuận sau thuế.
 - + Quỹ khen thưởng phúc lợi trích 10% lợi nhuận sau thuế.
- Việc sử dụng các quỹ nói trên phải được sự phê duyệt của Đại Hội đồng cổ đông, Ban Điều hành hoặc Tổng Giám đốc tùy thuộc vào bản chất và qui mô của giao dịch đã được nêu trong Điều lệ và Quy chế Quản lý Tài chính của Công ty. Khi quỹ Đầu tư phát triển được dùng để mở rộng kinh doanh, khoản sử dụng được chuyển vào vốn cổ phần.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

- Đối với hàng hóa, thành phẩm: Doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.
- Đối với dịch vụ: Doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày cuối kỳ. Tỷ lệ hoàn thành giao dịch được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.
- Doanh thu cho thuê: Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.
- Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có quyền thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.
 - + Tiền lãi: Doanh thu được ghi nhận được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.
 - + Cổ tức và lợi nhuận được chia: Doanh thu được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

- Doanh thu từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn: Doanh thu từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu được chuyển giao cho người mua. Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chỉ được chuyển giao cho người mua khi hoàn thành giao dịch mua bán (đối với chứng khoán đã niêm yết) hoặc hoàn thành hợp đồng chuyển nhượng tài sản (đối với chứng khoán chưa niêm yết).

18. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

- Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:
 - + Chiết khấu thương mại: là khoản bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn, không bao gồm khoản chiết khấu thương mại cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn giá trị gia tăng (VAT) hoặc hóa đơn bán hàng.
 - + Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.
 - + Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.
- Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:
 - + Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của kỳ lập báo cáo.
 - + Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

19. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

- Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí giao dịch cho thuê BĐS đầu tư theo phương thức cho thuê hoạt động, chi phí nhượng bán, thanh lý BĐS đầu tư...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong kỳ.
- Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

20. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

- Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính:
 - + Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.
 - + Lỗ đầu tư chứng khoán: Được lập cho từng loại chứng khoán được niêm yết và chưa niêm yết trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.
- Chi phí đi vay: được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí vay thì khi đó chi phí vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này. Chi phí đi vay được ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.
- Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.
- Chi phí lỗ tỷ giá hối đoái: Được ghi nhận khi có sự chênh lệch giữa tỷ giá giao dịch thực tế và tỷ giá ghi sổ kế toán và khi có phát sinh lỗ khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ.

21. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.
 - + Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành; và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
 - + Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong kỳ; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các kỳ trước.
 - + Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại, phát sinh từ việc: ghi nhận tài sản thuế hoãn lại trong kỳ; hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận từ các kỳ trước;
 - + Không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

- Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất từ 10% đến 20% trên thu nhập chịu thuế (giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2016: 15% đến 20%), tùy ngành nghề kinh doanh của các nhà máy sản xuất.

22. Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

23. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

24. Các bên liên quan

Là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan của Công ty. Công ty liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt bao gồm các giám đốc, các cán bộ điều hành của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan.

25. Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

a. Tài sản tài chính

➤ **Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Điều hành phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - Tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp loại tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

➤ **Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- Các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- Các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

➤ **Các khoản cho vay và phải thu**

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- Các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc

- Các khoản mà người nắm giữ có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

➤ **Tài sản sẵn sàng để bán**

Tài sản sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- Các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- Các khoản cho vay và các khoản phải thu.

b. Nợ phải trả tài chính

➤ **Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh**

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Điều hành phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu thỏa mãn một trong các điều kiện sau:
 - Được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - Có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - Công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

➤ **Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ**

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

V. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH:

- Công ty đánh giá những rủi ro sau từ việc sử dụng các công cụ tài chính:
 - Rủi ro thị trường;
 - Rủi ro tín dụng;
 - Rủi ro thanh khoản.
- Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.
- Ban Kiểm soát của Công ty (kể từ sau ngày 15 tháng 4 năm 2017 là Tiểu ban Kiểm toán thuộc Hội Đồng Quản trị Công ty) chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Điều hành giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.
- Ban Điều hành có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Điều hành có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.
- Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

1. Rủi ro thị trường

- Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường, như tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá cả khác.
- Mục tiêu quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát rủi ro mà Công ty có thể gặp phải trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hoá lợi nhuận.

a. Rủi ro tiền tệ

- Công ty phải chịu rủi ro tỷ giá ngoại hối trong các giao dịch mua bán sử dụng đơn vị tiền tệ khác đồng Việt Nam. Loại tiền tệ gây ra rủi ro này chủ yếu là USD và EUR (các loại tiền tệ khác có giao dịch không trọng yếu).
- Công ty đảm bảo rằng mức độ rủi ro tiền tệ thuần được duy trì ở mức chấp nhận được bằng cách mua bán ngoại tệ theo tỷ giá giao ngay trong trường hợp cần thiết để giải quyết tình trạng mất cân đối trong ngắn hạn đồng thời lập kế hoạch thanh toán bằng ngoại tệ với mức độ chính xác cao nhất có thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

- Rủi ro tiền tệ của Công ty đối với USD và EUR là như sau :

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017

	Tiền gốc ngoại tệ		VNĐ tương đương	
	USD	EUR	USD	EUR
Tài sản tài chính				
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	4.330.629,00	794,75	98.348.584.590	19.208.312
Phải thu khách hàng và phải thu khác	12.931.512,44	-	293.674.647.448	-
	17.262.141,44	794,75	392.023.232.038	19.208.312
Nợ tài chính				
Phải trả người bán và các khoản nợ khác	(23.843.585,91)	(2.585.661,47)	(543.156.886.916)	(63.157.367.066)
Mức độ rủi ro tiền tệ	(6.581.444,47)	(2.584.866,72)	(151.133.654.878)	(63.138.158.754)

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2017

	Tiền gốc ngoại tệ		VNĐ tương đương	
	USD	EUR	USD	EUR
Tài sản tài chính				
Tiền mặt và tiền gửi ngân hàng	793.766,71	797,30	18.018.504.317	19.013.213
Phải thu khách hàng và phải thu khác	23.235.629,42	-	527.448.787.933	-
	24.029.396,13	797,30	545.467.292.250	19.013.213
Nợ tài chính				
Phải trả người bán và các khoản nợ khác	(27.364.039,68)	(870.971,67)	(623.626.464.193)	(21.061.836.924)
Mức độ rủi ro tiền tệ	(3.334.643,54)	(870.174,37)	(78.159.171.943)	(21.042.823.711)

Các tỷ giá chính được áp dụng trong năm như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	VNĐ		VNĐ	
	Tỷ giá bán	Tỷ giá mua	Tỷ giá bán	Tỷ giá mua
USD	22.780	22.710	22.790	22.700
EUR	24.426	24.169	24.182	23.847

- Dưới đây là phân tích các tác động có thể xảy ra đối với lợi nhuận thuần của Công ty sau khi xem xét mức hiện tại của tỷ giá hối đoái và sự biến động trong quá khứ cũng như kỳ vọng của thị trường tại ngày báo cáo:
- + Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, nếu đồng Việt Nam yếu đi/mạnh lên 1% so với đô la Mỹ trong khi các biến số khác, đặc biệt là lãi suất, giữ nguyên không đổi và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm, thì lợi nhuận sau thuế trong năm sẽ thấp/cao hơn một khoản là 1.209.069.237VNĐ, chủ yếu do lỗ/lãi ngoại hối trong việc quy đổi các khoản phải thu và các khoản phải trả thương mại bằng đô la Mỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

- + Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, nếu đồng Việt Nam yếu đi/mạnh lên 1% so với đồng EUR trong khi các biến số khác, đặc biệt là lãi suất, giữ nguyên không đổi và bỏ qua ảnh hưởng của các dự báo bán hàng và mua sắm, thì lợi nhuận sau thuế trong năm sẽ thấp/cao hơn một khoản là 505.105.269VNĐ, chủ yếu do lỗ/lãi ngoại hối trong việc quy đổi các khoản phải thu và các khoản phải trả thương mại bằng đồng EUR.

b. Rủi ro giá cả

- Công ty có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty niêm yết và chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Điều hành quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Điều hành. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong các năm vừa qua.
- Đối với các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn niêm yết, nếu giá các chứng khoán tăng / giảm 10% trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty sẽ không bị ảnh hưởng đáng kể.

c. Rủi ro lãi suất

Các thay đổi lãi suất sẽ không ảnh hưởng trọng yếu đến lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty.

2. **Rủi ro tín dụng**

- Rủi ro tín dụng là rủi ro xảy ra tổn thất tài chính đối với Công ty nếu một khách hàng hay bên đối tác của một công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và chủ yếu phát sinh từ các khoản phải thu và các khoản đầu tư vào chứng khoán nợ của Công ty.

• Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng:

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính đã phát hành thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.990.536.269.899	484.567.254.315
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	10.066.500.000.000	10.116.500.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	2.720.814.802.637	2.445.992.509.178
	14.777.851.072.536	13.047.059.763.493

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

- Tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính có quy mô vừa và lớn. Ban Điều hành không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty bao gồm trái phiếu và tiền gửi có kỳ hạn. Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng được giữ chủ yếu bởi các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Điều hành không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.
- Rủi ro tín dụng đầu tư vào trái phiếu của Công ty bị ảnh hưởng bởi các nhân tố riêng của bên phát hành. Trong việc kiểm soát rủi ro đối với khoản mục này, Ban Điều hành của Công ty đã phân tích mức độ tín nhiệm của bên phát hành trước khi mua. Ban Điều hành nhận thấy rằng bên phát hành có khả năng tài chính tốt và tin rằng rủi ro tín dụng của các công cụ nợ này là thấp.
- Không có dự phòng giảm giá các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31 tháng 3 năm 2017 và ngày 01 tháng 01 năm 2017.

- Phải thu khách hàng và phải thu khác

- Mức độ rủi ro tín dụng của Công ty bị ảnh hưởng chủ yếu bởi các đặc điểm riêng biệt của từng khách hàng.
- Ban Điều hành đã thiết lập chính sách tín dụng, theo đó, mỗi khách hàng mới phải được phân tích kỹ về mức độ tín nhiệm trước khi Công ty đưa ra các điều kiện và điều khoản giao hàng và thanh toán.
- Hạn mức mua hàng được thiết lập cho từng khách hàng, thể hiện khoản tiền cao nhất mà khách hàng có thể mua mà không cần phải có sự chấp thuận của Ban Điều hành. Khách hàng nào không được thông qua xếp hạng tín nhiệm chỉ có thể giao dịch với Công ty với điều kiện trả tiền trước.
- Công ty sẽ lập dự phòng giảm giá trị để phản ánh mức độ thiệt hại ước tính đối với phải thu khách hàng, phải thu khác và các khoản đầu tư. Thành phần chính của khoản dự phòng giảm giá trị này là khoản lỗ cụ thể có liên quan đến mức độ thiệt hại lớn cụ thể đối với từng khách hàng và mức độ thiệt hại tổng thể của các nhóm tài sản tài chính tương tự, được xác định khi các rủi ro này có thể đã xảy ra nhưng chưa được phát hiện. Mức độ thiệt hại tổng thể được xác định dựa trên dữ liệu thống kê về thanh toán trong quá khứ của các tài sản tài chính tương tự.

a. Các tài sản tài chính không quá hạn cũng không bị suy giảm giá trị:

- Tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư vào trái phiếu không quá hạn cũng như không bị suy giảm giá trị là các khoản tiền gửi và các khoản đầu tư vào trái phiếu phát hành tại các ngân hàng được xếp hạng tín nhiệm cao ở Việt Nam. Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác mà không quá hạn cũng như không giảm giá chủ yếu là từ các công ty có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

- Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác không quá hạn cũng như không bị suy giảm giá trị của Công ty lên đến 2.673.025.549.784 VNĐ tại ngày 31 tháng 3 năm 2017 (01/01/2017: 2.425.985.390.881 VNĐ).

b. Tài sản tài chính quá hạn và/hoặc suy giảm giá trị:

- Không có các nhóm tài sản tài chính khác quá hạn và/hoặc suy giảm giá trị ngoại trừ các khoản phải thu.
- Các khoản phải thu quá hạn nhưng không bị suy giảm giá trị bao gồm như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Quá hạn 1 đến 30 ngày	61.061.073.744	40.413.823.659
Quá hạn 31 đến 60 ngày	-	1.762.548.396
Quá hạn 61 đến 90 ngày	1.364.494.744	691.305.540
Quá hạn hơn 90 ngày	217.603.241	281.213.709
	62.643.171.729	43.148.891.304

- Giá trị ghi sổ của các khoản phải thu được đánh giá là có suy giảm giá trị và sự tăng giảm của dự phòng suy giảm giá trị có liên quan như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tổng giá trị công nợ có lập dự phòng	950.010.334	950.010.334
Trừ : Dự phòng phải thu khó đòi	(665.007.234)	(475.005.167)
	285.003.100	475.005.167

	Kỳ này	Năm trước
Giá trị đầu năm	475.005.167	34.409.000
Dự phòng tăng	190.002.067	469.005.167
Xóa sổ nợ phải thu khó đòi	-	(28.409.000)
Giá trị cuối kỳ	665.007.234	475.005.167

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

3. Rủi ro thanh khoản:

- Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chính sách của Công ty là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo Công ty có thể duy trì dự trữ tiền mặt đầy đủ để có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và trung hạn. Việc nắm giữ tiền mặt của Công ty và dòng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong năm tài chính tới của Công ty.
- Bảng sau phân tích các khoản nợ tài chính phi phái sinh của Công ty theo thời hạn đáo hạn có liên quan dựa trên kỳ hạn còn lại từ ngày lập Báo cáo tình hình tài chính riêng đến ngày đáo hạn theo hợp đồng. Các số tiền được trình bày trong bảng sau là các dòng tiền không chiết khấu theo hợp đồng.

	Giá trị ghi sổ	Dòng tiền theo hợp đồng	Dưới 1 năm
Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017			
Phải trả người bán	2.146.362.306.819	2.146.362.306.819	2.146.362.306.819
Phải trả người lao động	108.621.953.355	108.621.953.355	108.621.953.355
Chi phí phải trả	1.081.013.563.960	1.081.013.563.960	1.081.013.563.960
Các khoản phải trả khác	578.759.688.472	578.759.688.472	578.759.688.472
Vay ngắn hạn	-	-	-
	3.914.757.512.606	3.914.757.512.606	3.914.757.512.606
Tại ngày 01 tháng 01 năm 2017			
Phải trả người bán	2.568.934.375.909	2.568.934.375.909	2.568.934.375.909
Phải trả người lao động	166.926.421.131	166.926.421.131	166.926.421.131
Chi phí phải trả	984.149.487.382	984.149.487.382	984.149.487.382
Các khoản phải trả khác	574.093.150.299	574.093.150.299	574.093.150.299
Vay ngắn hạn	1.200.000.000.000	1.209.473.333.333	1.209.473.333.333
	5.494.103.434.721	5.503.576.768.054	5.503.576.768.054

- Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư khoản tiền thặng dư vào các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn và dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

4. Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính, cùng với các giá trị ghi sổ được trình bày tại Báo cáo tình hình tài chính riêng như sau:

	Thuyết minh	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
Được phân loại là tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh:					
- Các khoản đầu tư ngắn hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu niêm yết nắm giữ để kinh doanh	(ii)	-	-	-	-
Được phân loại là các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (*):					
- Tiền gửi có kỳ hạn	(i)	9.576.500.000.000	9.576.500.000.000	9.626.500.000.000	9.626.500.000.000
- Trái phiếu doanh nghiệp	(iv)	490.000.000.000	Thuyết minh (iv)	490.000.000.000	Thuyết minh (iv)
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:					
- Tiền và các khoản tương đương tiền	(i)	1.990.536.269.899	1.990.536.269.899	484.567.254.315	484.567.254.315
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	(i)	2.720.814.802.637	2.720.814.802.637	2.445.992.509.178	2.445.992.509.178
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sàng để bán:					
- Các khoản đầu tư ngắn hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu niêm yết sẵn sàng để bán	(ii)	23.400	72.000	23.400	67.200
- Các khoản đầu tư ngắn hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu chưa niêm yết sẵn sàng để bán	(iii)	23.464.616	23.464.616	23.464.616	23.464.616
- Đầu tư ngắn hạn khác	(v)	442.000.000.000	442.000.000.000	442.000.000.000	442.000.000.000
- Đầu tư dài hạn vào các quỹ đầu tư	(iv)	10.270.276.240	Thuyết minh (iv)	10.270.276.240	Thuyết minh (iv)
- Đầu tư dài hạn khác	(iv)	300.000.000	Thuyết minh (iv)	300.000.000	Thuyết minh (iv)
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:					
- Phải trả người bán và phải trả khác	(i)	3.914.757.512.606	3.914.757.512.606	5.494.103.434.721	5.494.103.434.721

(*) : Bao gồm các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn và dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

i. Tiền và các khoản tương đương tiền, tiền gửi có kỳ hạn, phải thu khách hàng và phải thu khác, phải trả người bán và phải trả khác

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính gần bằng với giá trị hợp lý của chúng do các công cụ này có thời gian đáo hạn ngắn.

ii. Các khoản đầu tư ngắn hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu niêm yết

Giá trị thị trường của công cụ vốn chủ sở hữu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh dựa trên giá đóng cửa của ngày giao dịch chính thức cuối cùng của kỳ/năm tại Sở giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

iii. Các khoản đầu tư ngắn hạn vào công cụ vốn chủ sở hữu chưa niêm yết

Giá trị thị trường của chứng khoán vốn chưa niêm yết dựa trên giá giao dịch bình quân do ba công ty chứng khoán cung cấp.

iv. Trái phiếu doanh nghiệp ngắn hạn, trái phiếu doanh nghiệp dài hạn và đầu tư dài hạn khác

Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các tài sản và nợ tài chính nhằm mục đích trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo Điều 28 của Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính bởi vì (i) không có giá niêm yết trên thị trường cho các tài sản và nợ tài chính này; và (ii) các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam và Hệ thống Kế toán Việt Nam không đưa ra hướng dẫn về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong trường hợp không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

v. Đầu tư ngắn hạn khác

Giá trị hợp lý được ước tính theo giá trị thuần dự kiến có thể thực hiện được.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ:**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Tiền mặt	917.712.311	791.588.837
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	390.536.269.899	484.567.254.315
- Tiền đang chuyển	-	-
- Các khoản tương đương tiền	1.600.000.000.000	-
• Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng	1.600.000.000.000	-
• Trái phiếu, tín phiếu, kỳ phiếu	-	-
Cộng	1.991.453.982.210	485.358.843.152

2. Phải thu của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn		
- Abdulkarim Alwan Foodstuff Trading (LLC)	246.987.714.750	429.110.901.892
- Các khách hàng khác	2.019.191.923.265	1.554.769.216.373
Cộng	2.266.179.638.015	1.983.880.118.265

Trong đó, phải thu của khách hàng là các bên liên quan:

Công ty con	23.807.300.599	21.269.875.742
- Công ty TNHH MTV Bò Sữa Việt Nam	6.024.984.810	4.694.934.985
- Công ty TNHH MTV Sữa Lam Sơn	-	5.894.748.601
- Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa	40.468.547	40.702.511
- Angkor Dairy Products Co., Ltd.	17.741.847.242	10.114.960.745
- Driftwood Dairy Holdings Corporation	-	524.528.900
Công ty liên kết	-	136.184.400
- Công ty Cổ phần APIS	-	136.184.400
Cộng	23.807.300.599	21.406.060.142

Khoản phải thu thương mại từ các bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi có nhu cầu.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

3. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
a. Ngắn hạn	462.481.189.829	(665.007.234)	478.323.444.840	(475.005.167)
- Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	3.988.025.835	-	3.988.025.835	-
- Phải thu lãi tiền gửi	256.290.605.675	-	268.804.804.005	-
- Phải thu lãi trái phiếu, lãi cho vay	27.530.863.015	-	17.595.726.029	-
- Phải thu người lao động	794.332.602	-	779.702.422	-
- Tạm ứng cho công nhân viên	2.585.035.080	-	2.286.937.297	-
- Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	203.000.000	-	177.731.000	-
- Thuế nhập khẩu còn được hoàn	18.215.887.796	-	27.796.047.217	-
- Hỗ trợ, bồi thường từ nhà cung cấp	3.300.000.000	-	54.797.825.720	-
- Phải thu từ nhập khẩu ủy thác	4.931.624.411	-	99.213.751.320	-
- Tiền ứng trước để mua lại công ty con	136.920.000.000	-	-	-
- Phải thu khác	7.721.815.415	(665.007.234)	2.882.893.995	(475.005.167)
b. Dài hạn	7.957.904.003	-	7.880.729.414	-
- Ký cược, ký quỹ dài hạn	1.710.219.177	-	1.633.044.588	-
- Phải thu từ một khoản đầu tư	6.247.684.826	-	6.247.684.826	-
Cộng	470.439.093.832	(665.007.234)	486.204.174.254	(475.005.167)

4. Tài sản thiếu chờ xử lý

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Hàng tồn kho	-	509.196.255	-	76.396.513

5. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	950.010.334	-	950.010.334	-
Trong đó:				
	Quá hạn 1 đến 30 ngày	Quá hạn 31 đến 60 ngày	Quá hạn 61 đến 90 ngày	Quá hạn hơn 90 ngày
- Nguyễn Cao Sơn	-	-	-	950.010.334

CÔNG TY CỔ PHẦN SỬA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

6. Các khoản đầu tư tài chính**a. Chứng khoán kinh doanh**

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
- Tổng giá trị cổ phiếu	23.488.016	23.536.616	-	23.488.016	23.531.816	-
trong đó chủ yếu :						
+ CTCP Công Nghệ Mới Kim Tự Tháp Việt Nam (PYTHIS)	23.464.616	23.464.616	-	23.464.616	23.464.616	-
+ Cổ phiếu khác	23.400	72.000	-	23.400	72.000	-
- Các khoản đầu tư khác	442.000.000.000	442.000.000.000	-	442.000.000.000	442.000.000.000	-
+ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt (*)	442.000.000.000	442.000.000.000	-	442.000.000.000	442.000.000.000	-
Cộng	442.023.488.016	442.023.536.616	-	442.023.488.016	442.023.531.816	-

(*) Tại ngày báo cáo, Công ty đã ký một thỏa thuận mua bán cổ phiếu để chuyển nhượng chứng khoán của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt, giao dịch này vẫn chưa hoàn tất (Thuyết minh VI.18). Giá trị ghi sổ của cổ phiếu phản ánh số tiền dự kiến có thể thực hiện được.

Biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn trong kỳ như sau :

	Kỳ này	Kỳ trước
- Số đầu kỳ	-	(71.700.323.906)
- Trích lập dự phòng	-	(245.096.300)
- Hoàn nhập dự phòng	-	15.666.000
- Sử dụng dự phòng	-	185.235.106
Số cuối kỳ	-	(71.744.519.100)

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Tỷ lệ		Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Vốn nắm giữ	Quyền biểu quyết	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý (*)	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con			2.866.010.823.122	-	-	3.126.810.823.122	-	(22.761.321.984)
- Công ty TNHH Một Thành viên Bò Sữa Việt Nam	100,00%	100,00%	2.110.780.000.000	-	-	2.110.780.000.000		(22.761.321.984)
- Công ty TNHH Một Thành viên Sữa Lam Sơn (**)	100,00%	100,00%	-	-	-	370.800.000.000		-
- Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa	96,11%	96,11%	245.000.000.000	-	-	135.000.000.000		-
- Driftwood Dairy Holdings Corporation	100,00%	100,00%	225.895.918.429	-	-	225.895.918.429		-
- Angkor Dairy Products Co., Ltd.	51,00%	51,00%	217.871.754.693	-	-	217.871.754.693		-
- Vinamilk Europe Spółka Z Organiczona Odpowiedzialnoscia	100,00%	100,00%	66.463.150.000	-	-	66.463.150.000		-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết			319.289.808.669	-	-	319.289.808.669	-	-
Đầu tư vào công ty liên kết			319.289.808.669	-	-	319.289.808.669	-	-
- Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn (***)	15,00%	15,00%	18.000.000.000	-	-	18.000.000.000	-	-
- Miraka Limited	22,81%	22,81%	293.189.808.669	-	-	293.189.808.669	-	-
- Công ty Cổ phần APIS (***)	18,00%	18,00%	8.100.000.000	-	-	8.100.000.000	-	-
Đầu tư vào đơn vị khác			10.570.276.240	-	(7.493.105.587)	10.570.276.240	-	(7.490.301.769)
- Quỹ đầu tư Tăng trưởng Việt Nam (VF2)			10.270.276.240	-	(7.493.105.587)	10.270.276.240	-	(7.490.301.769)
- Nhà thuốc – Phòng khám đa khoa An Khang			300.000.000	-	-	300.000.000	-	-
Cộng			3.195.870.908.031	-	(7.493.105.587)	3.456.670.908.031	-	(30.251.623.753)

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

- (*) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.
- (**) Công ty con này được sáp nhập vào Công ty trong tháng 3 năm 2017 và tiếp tục hoạt động như một chi nhánh của Công ty sau khi được sáp nhập.
- (***) Ban Điều hành đánh giá rằng Công ty có ảnh hưởng đáng kể bởi vì Công ty có thành viên trong Hội đồng Quản trị của các công ty này.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
- Số đầu kỳ	(30.251.623.753)	(102.785.399.217)
- Trích lập dự phòng	(2.803.818)	(2.741.763.366)
- Hoàn nhập dự phòng	22.761.321.984	57.499.213.405
- Sử dụng dự phòng	-	-
Số cuối kỳ	(7.493.105.587)	(48.027.949.178)

c. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
Ngắn hạn	9.876.500.000.000	9.876.500.000.000	9.926.500.000.000	9.926.500.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	9.576.500.000.000	9.576.500.000.000	9.626.500.000.000	9.626.500.000.000
- Trái phiếu doanh nghiệp (*)	300.000.000.000	300.000.000.000	300.000.000.000	300.000.000.000
Dài hạn	190.000.000.000	(**)	190.000.000.000	(**)
- Tiền gửi có kỳ hạn	-	-	-	-
- Trái phiếu doanh nghiệp (*)	190.000.000.000	(**)	190.000.000.000	(**)
Cộng	10.066.500.000.000	9.876.500.000.000	10.116.500.000.000	9.926.500.000.000

- (*) Các khoản này phản ánh các khoản đầu tư vào trái phiếu do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh phát hành với thời gian đáo hạn gốc là 36 tháng kể từ ngày mua. Các trái phiếu này không được đảm bảo, hưởng lãi suất năm từ 8,1% đến 8,4% (2016: từ 7,5% đến 8,4%) và có thể thu được lần lượt trong tháng 6 năm 2017 và tháng 9 năm 2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

- (**) Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Hàng đang đi đường	526.710.105.255	-	561.281.869.361	-
- Nguyên vật liệu, nhiên liệu, vật tư kỹ thuật	2.091.458.277.289	(2.392.921.816)	2.315.039.717.953	(7.137.697.729)
- Công cụ, dụng cụ	181.807.411	-	472.026.406	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	25.762.665.621	-	15.105.363.931	-
- Thành phẩm	974.159.854.597	(1.174.522.161)	1.146.274.640.723	(9.535.793.517)
- Hàng hoá	15.601.309.767	-	72.437.224.462	-
- Hàng gửi đi bán	6.361.425.344	-	4.791.796.832	-
Cộng	3.640.235.445.284	(3.567.443.977)	4.115.402.639.668	(16.673.491.246)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
- Số dư đầu kỳ	(16.673.491.246)	(17.115.986.758)
- Trích lập dự phòng	(1.606.782.664)	(677.214.221)
- Hoàn nhập dự phòng	7.576.174.337	2.204.824.382
- Sử dụng dự phòng	7.136.655.596	1.427.183.923
Số dư cuối kỳ	(3.567.443.977)	(14.161.192.674)

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

8. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ này	Kỳ trước
- Số dư đầu kỳ	430.308.443.075	277.294.577.637
- Tăng trong kỳ	281.739.519.730	152.192.115.922
- Tăng do sáp nhập công ty con (Thuyết minh VIII.4)	295.492.565	-
- Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(62.380.318.432)	(85.481.813.619)
- Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	-
- Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-
- Chuyển sang hàng tồn kho	-	-
- Chuyển sang chi phí trả trước	(757.710.055)	(24.000.000)
- Thanh lý	-	-
- Giảm khác	(600.000)	(7.919.605)
Số dư cuối kỳ	649.204.826.883	343.972.960.335

Trong đó các công trình lớn đang được thực hiện như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Máy móc thiết bị – Nhà máy Sữa Lam Sơn	114.664.797.956	30.025.233.724
Dự án tòa nhà văn phòng – Chi nhánh Cần Thơ	52.101.510.922	52.101.510.922
Máy móc thiết bị – Nhà máy Sữa Sài Gòn	66.318.925.098	90.072.363.870
Máy móc thiết bị – Nhà máy Sữa Việt Nam	180.085.696.973	179.888.609.336
Máy móc thiết bị – Nhà máy Sữa Nghệ An	205.594.187.509	43.770.007.044
Khác	30.439.708.425	34.450.718.179
Số dư cuối kỳ	649.204.826.883	430.308.443.075

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
+Số đầu kỳ	1.874.808.408.282	7.723.118.615.206	685.293.138.056	465.186.272.047	10.748.406.433.591
+Tăng trong kỳ					
-Mua sắm mới	3.255.081.210	4.635.779.727	1.737.155.636	8.286.074.000	17.914.090.573
-Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	385.004.739	61.995.313.693	-	-	62.380.318.432
-Tăng do sáp nhập công ty con (Thuyết minh VIII.4)	132.983.404.491	419.349.543.061	9.044.111.866	13.578.191.938	574.955.251.356
-Phân loại lại	-	7.180.847.320	-	(7.180.847.320)	-
+Giảm trong kỳ					
-Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
-Thanh lý, nhượng bán	(150.616.364)	(1.367.755.340)	(3.397.979.197)	(867.320.718)	(5.783.671.619)
-Giảm khác					
+ Số cuối kỳ	2.011.281.282.358	8.214.912.343.667	692.676.426.361	479.002.369.947	11.397.872.422.333
Giá trị hao mòn					
+Số đầu kỳ	521.040.262.598	3.975.803.331.384	307.716.056.511	331.550.412.723	5.136.110.063.216
+Tăng trong kỳ					
-Khấu hao trong kỳ	21.937.372.297	176.445.771.408	15.342.158.285	13.355.534.778	227.080.836.768
-Phân loại lại	-	2.801.847.686	-	(2.801.847.686)	-
-Tăng do sáp nhập công ty con (Thuyết minh VIII.4)	14.300.061.318	111.077.679.861	2.629.925.801	5.786.742.523	133.794.409.503
+Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
-Chuyển sang bất động sản đầu tư	-	-	-	-	-
-Thanh lý, nhượng bán	(97.900.629)	(1.281.625.279)	(2.980.579.197)	(867.320.718)	(5.227.425.823)
-Giảm khác	-	-	-	-	-
+ Số cuối kỳ	557.179.795.584	4.264.847.005.060	322.707.561.400	347.023.521.620	5.491.757.883.664
Giá trị còn lại					
+ Số đầu kỳ	1.353.768.145.684	3.747.315.283.822	377.577.081.545	133.635.859.324	5.612.296.370.375
+ Số cuối kỳ	1.454.101.486.774	3.950.065.338.607	369.968.864.961	131.978.848.327	5.906.114.538.669

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 3 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 1.305.165.373.583VNĐ (01/01/2017: 1.257.988.443.769VNĐ) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

10. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
+Số đầu kỳ	166.507.249.624	131.112.546.308	297.619.795.932
+Tăng trong kỳ			
-Mua sắm mới	-	857.000.000	857.000.000
-Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-
-Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-
-Tăng khác	-	-	-
+Giảm trong kỳ			
-Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
-Giảm khác	-	-	-
+ Số cuối kỳ	166.507.249.624	131.969.546.308	298.476.795.932
Giá trị hao mòn			
+Số đầu kỳ	28.721.931.735	90.671.715.500	119.393.647.235
+Tăng trong kỳ			
-Khấu hao trong kỳ	544.623.423	3.528.038.552	4.072.661.975
-Tăng khác	-	-	-
+Giảm trong kỳ			
-Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
-Giảm khác	-	-	-
+ Số cuối kỳ	29.266.555.158	94.199.754.052	123.466.309.210
Giá trị còn lại			
+ Số đầu kỳ	137.785.317.889	40.440.830.808	178.226.148.697
+ Số cuối kỳ	137.240.694.466	37.769.792.256	175.010.486.722

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 3 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 53.207.704.915VNĐ (01/01/2017: 48.086.488.915VNĐ) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

11. Bất động sản đầu tư

	Quyền sử dụng đất	Nhà	Cơ sở hạ tầng	Cộng
Nguyên giá				
+Số đầu kỳ	82.224.238.170	87.584.055.107	6.464.218.561	176.272.511.838
+Tăng trong kỳ				
- Mua sắm mới	-	-	-	-
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	-
- Chuyển từ tài sản cố định	-	-	-	-
- Tăng do sáp nhập công ty con (Thuyết minh VIII.4)	-	3.405.538.719	-	3.405.538.719
- Phân loại lại	-	-	-	-
+Giảm trong kỳ				
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-
+ Số cuối kỳ	82.224.238.170	90.989.593.826	6.464.218.561	179.678.050.557
Giá trị hao mòn lũy kế				
+Số đầu kỳ	2.645.189.674	34.156.336.949	4.575.569.937	41.377.096.560
+Tăng trong kỳ				
- Khấu hao trong kỳ	198.389.226	897.995.429	152.841.003	1.249.225.658
- Tăng do sáp nhập công ty con (Thuyết minh VIII.4)	-	1.422.169.969	-	1.422.169.969
+Giảm trong kỳ				
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-
Số cuối kỳ	2.843.578.900	36.476.502.347	4.728.410.940	44.048.492.187
Giá trị còn lại				
Số đầu kỳ	79.579.048.496	53.427.718.158	1.888.648.624	134.895.415.278
Số cuối kỳ	79.380.659.270	54.513.091.479	1.735.807.621	135.629.558.370

Bất động sản đầu tư của Công ty phản ánh nhà cửa và cơ sở hạ tầng nắm giữ để cho thuê.

Tại ngày báo cáo, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ bởi vì các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê có thể khác với giá trị ghi sổ.

Trong bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê tại ngày 31 tháng 3 năm 2017 có các tài sản có nguyên giá 7.892.173.774VNĐ (01/01/2017: 7.892.173.774VNĐ) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

12. Chi phí trả trước**a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ	Số cuối kỳ
Chi phí triển khai phần mềm, bảo trì mạng	5.166.842.293	1.825.943.058	3.083.318.157	3.909.467.194
Chi phí quảng cáo	5.746.426.437	2.929.120.907	3.977.657.364	4.697.889.980
Chi phí bảo trì	2.628.565.218	5.142.349.945	3.061.516.460	4.709.398.703
Chi phí thuê đất, nhà xưởng, văn phòng, ụ kệ	7.007.482.846	7.768.008.366	5.703.828.099	9.071.663.113
Chi phí vật liệu, công cụ, dụng cụ	8.258.868.844	8.309.512.169	4.714.981.651	11.853.399.362
Chi phí cải tạo, sửa chữa lớn	2.809.598.781	2.567.925.398	1.344.249.819	4.033.274.360
Chi phí khác	1.707.015.763	21.805.189.753	18.009.661.729	5.502.543.787
Cộng	33.324.800.182	50.348.049.596	39.895.213.279	43.777.636.499

b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong kỳ	Phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ	Số cuối kỳ
- Tiền thuê đất, cơ sở hạ tầng	127.407.170.305	1.641.629.777	943.169.152	128.105.630.930
- Chi phí công cụ, dụng cụ	134.359.476.891	22.869.604.992	19.019.024.502	138.210.057.381
- Chi phí trả trước dài hạn khác	38.173.202.559	3.578.216.556	7.032.193.087	34.719.226.028
Cộng	299.939.849.755	28.089.451.325	26.994.386.741	301.034.914.339

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

13. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi sổ	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	2.146.362.306.819	2.146.362.306.819	2.568.934.375.909	2.568.934.375.909
- Công ty Cổ phần Đại Tân Việt	222.857.660.214	222.857.660.214	150.053.638.178	150.053.638.178
- Các nhà cung cấp khác	1.923.504.646.605	1.923.504.646.605	2.418.880.737.731	2.418.880.737.731
b. Phải trả người bán là các bên liên quan	90.153.985.830	90.153.985.830	271.185.334.835	271.185.334.835
<i>Công ty con</i>	<i>82.772.243.160</i>	<i>82.772.243.160</i>	<i>262.424.384.835</i>	<i>262.424.384.835</i>
- Công ty TNHH Một Thành viên Bò Sữa Việt Nam	26.259.634.773	26.259.634.773	28.517.268.205	28.517.268.205
- Công ty TNHH Một Thành viên Sữa Lam Sơn	-	-	230.564.754.601	230.564.754.601
- Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa	858.000	858.000	-	-
- Vinamilk Europe Spółka Z Ograniczona Odpowiedzialnoscia	56.157.711.600	56.157.711.600	3.329.163.200	3.329.163.200
- Angkor Dairy Products Co., Ltd.	354.038.787	354.038.787	13.198.829	13.198.829
<i>Công ty liên doanh, liên kết</i>	<i>7.381.742.670</i>	<i>7.381.742.670</i>	<i>8.760.950.000</i>	<i>8.760.950.000</i>
- Công ty Cổ phần APIS	7.381.742.670	7.381.742.670	8.760.950.000	8.760.950.000

Khoản phải trả thương mại cho các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

14. Vay và Nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	1.100.000.000.000	1.100.000.000.000	-	1.200.000.000.000	-	-
- The Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ Ltd.	100.000.000.000	100.000.000.000	-	100.000.000.000	-	-
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam	1.100.000.000.000	1.100.000.000.000	-	1.100.000.000.000	-	-
Cộng	1.200.000.000.000	1.200.000.000.000	-	1.200.000.000.000	-	-

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

Bên cho vay	Thuyết minh	Loại tiền	Lãi suất năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(i)	VNĐ	4,9%	-	1.100.000.000.000
The Bank of Tokyo-Mitsubishi UFJ Ltd. – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	(ii)	VNĐ	4,9%	-	100.000.000.000
				-	1.200.000.000.000

(i) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 3.300 tỷ VNĐ và không được đảm bảo.

(ii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 50 triệu USD và không được đảm bảo.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

15. Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số phát sinh do sắp nhập công ty con (Thuyết minh VIII.4)	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	49.784.860.800	411.629.281.857	6.195.050.892	290.223.896.662	177.385.296.887
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	9.154.300.018	66.000.179.952	-	45.679.594.924	29.474.885.046
- Thuế GTGT nhà thầu	241.321.774	1.904.533.506	-	1.424.981.739	720.873.541
- Thuế xuất, nhập khẩu	1.731.577.990	18.813.778.435	-	11.668.286.565	8.877.069.860
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	168.041.783.749	519.378.872.276	4.269.369.639	179.624.654.212	512.065.371.452
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nhà thầu	1.122.096.141	5.080.980.367	-	4.347.163.087	1.855.913.421
- Thuế thu nhập cá nhân	14.356.297.623	133.071.419.641	44.595.723	142.706.031.853	4.766.281.134
- Thuế tài nguyên	63.609.298	216.389.664	-	213.321.352	66.677.610
- Thuế nhà đất	-	12.220.690	-	12.220.690	-
- Tiền thuê đất	-	878.385.755	-	878.385.755	-
- Các loại thuế khác	535.516.055	189.458.316	-	724.974.371	-
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	93.276.900	-	90.036.900	3.240.000
Cộng	245.031.363.448	1.157.268.777.359	10.509.016.254	677.593.548.110	735.215.608.951

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Khuyến mại, hỗ trợ chi phí bán hàng	568.435.982.281	583.040.840.709
- Chi phí thuê ụ, kệ, hộp đèn, vị trí trưng bày	14.231.638.848	922.786.364
- Chi phí quảng cáo	281.913.358.124	170.814.940.905
- Chi phí vận chuyển	79.690.348.091	77.412.131.182
- Chi phí bảo trì và sửa chữa	45.091.155.202	11.769.500.442
- Chi phí lãi vay	-	21.056.388.889
- Chi phí nhiên liệu	12.962.070.818	13.959.796.579
- Chi phí nhân công thuê ngoài	37.773.040.455	62.494.315.062
- Chi phí phải trả khác	40.915.970.141	42.678.787.250
Cộng	1.081.013.563.960	984.149.487.382

17. Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước	759.863.334	2.629.190.398
b. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn		
Doanh thu nhận trước	1.663.272.218	-
Cộng	2.423.135.552	2.629.190.398

18. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	67.095.365	14.284.710
- Kinh phí công đoàn	124.930.000	34.462.000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	86.846.882.980	70.812.658.216
- Phải trả khác về đầu tư tài chính (*)	448.007.419.155	448.007.419.155
- Cổ tức phải trả	-	-
- Thuế Nhập khẩu phải trả (SX – Hàng XK)	31.534.579.783	42.613.702.494
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	12.178.781.189	12.610.623.724
Cộng	578.759.688.472	574.093.150.299

(*) Phải trả khác liên quan đến khoản đầu tư tài chính bao gồm một khoản nhận trả trước là 447.822.000.000 VNĐ từ một bên thứ ba về việc chuyển nhượng trong tương lai một khoản đầu tư của Công ty vào Ngân hàng Thương mại Cổ phần Bảo Việt (Thuyết minh VII.7(a)). Tại ngày báo cáo, việc chuyển nhượng này chưa hoàn tất.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

19. Dự phòng phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Dự phòng phải trả ngắn hạn		
Dự phòng sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định định kỳ	2.355.567.358	889.995.571
b. Dự phòng phải trả dài hạn		
Dự phòng trợ cấp thôi việc	95.307.410.698	95.736.043.500
Cộng	97.662.978.056	96.626.039.071

Biến động dự phòng trợ cấp thôi việc trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số dư đầu kỳ	95.736.043.500	87.099.730.000
Tăng do sáp nhập công ty con (Thuyết minh VIII.4)	224.541.667	-
Tăng dự phòng trong kỳ	-	-
Sử dụng dự phòng trong kỳ	(653.174.469)	(784.178.492)
Số dư cuối kỳ	95.307.410.698	86.315.551.508

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối do các cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được dùng để trả khen thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
- Số đầu kỳ	454.979.489.181	403.036.668.825
- Trích lập quỹ	324.460.074.150	212.582.268.099
- Chi trả	(461.941.841.244)	(441.310.348.992)
Số dư cuối kỳ	317.497.722.087	174.308.587.932

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

21. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả**a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
- Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	22.614.142.913	35.025.626.680
- Số bù trừ với thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(2.306.361)	(374.813.928)
Cộng	22.611.836.552	34.650.812.752

b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị thuế thu nhập hoãn lại phải trả	20%	20%
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	2.306.361	374.813.928
- Số bù trừ với tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(2.306.361)	(374.813.928)
Cộng	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5	6
Số dư đầu năm trước	12.006.621.930.000	-	(5.388.109.959)	3.289.455.938.121	5.067.100.666.886	20.357.790.425.048
- Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Mua cổ phiếu quỹ	-	-	-	-	-	-
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	2.125.822.680.986	2.125.822.680.986
- Trích lập các quỹ	-	-	-	212.582.268.099	(425.164.536.198)	(212.582.268.099)
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Cổ tức	-	-	-	-	-	-
Số dư tại ngày 31 tháng 3 năm 2016	12.006.621.930.000	-	(5.388.109.959)	3.502.038.206.220	6.767.758.811.674	22.271.030.837.935
- Tăng vốn trong kỳ	2.507.912.360.000	260.699.620.761	5.388.109.959	(2.419.035.050.000)	-	354.965.040.720
- Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(1.176.335.920)	-	-	(1.176.335.920)
- Lãi trong kỳ	-	-	-	-	7.119.547.813.652	7.119.547.813.652
- Trích lập các quỹ	-	-	-	711.954.781.365	(1.423.909.562.730)	(711.954.781.365)
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Cổ tức	-	-	-	-	(7.238.478.492.000)	(7.238.478.492.000)
Số dư cuối năm trước	14.514.534.290.000	260.699.620.761	(1.176.335.920)	1.794.957.937.585	5.224.918.570.596	21.793.934.083.022

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Chỉ tiêu	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5	6
Số dư đầu năm nay	14.514.534.290.000	260.699.620.761	(1.176.335.920)	1.794.957.937.585	5.224.918.570.596	21.793.934.083.022
- Tăng vốn trong kỳ	-	-	-	-	-	-
- Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(2.521.921.480)	-	-	(2.521.921.480)
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	3.244.600.741.493	3.244.600.741.493
- Trích lập các quỹ	-	-	-	324.460.074.150	(648.920.148.300)	(324.460.074.150)
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
- Cũ tức	-	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	14.514.534.290.000	260.699.620.761	(3.698.257.400)	2.119.418.011.735	7.820.599.163.789	24.711.552.828.885

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7- Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Chi tiết vốn góp của Chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Vốn đầu tư của Nhà nước	5.708.566.336.257	5.708.566.336.257
- Vốn góp của cổ đông khác	8.805.967.953.743	8.805.967.953.743
- Thặng dư vốn cổ phần	260.699.620.761	260.699.620.761
- Cổ phiếu quỹ	(3.698.257.400)	(1.176.335.920)
Cộng	14.771.535.653.361	14.774.057.574.841

Các giao dịch về vốn với các Chủ sở hữu và phân phối cổ tức và lợi nhuận**Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	1.451.453.429	1.451.453.429
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	1.451.453.429	1.451.453.429
- Cổ phiếu phổ thông	1.451.453.429	1.451.453.429
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	(38.114)	(27.100)
- Cổ phiếu phổ thông	(38.114)	(27.100)
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	1.451.415.315	1.451.426.329
- Cổ phiếu phổ thông	1.451.415.315	1.451.426.329
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là vốn chủ sở hữu)	-	-

- Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000VNĐ. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

23. Các khoản mục ngoài báo cáo tình hình tài chính riêng

	Số kỳ này		Số đầu năm	
	Gốc ngoại tệ	Tương đương VNĐ	Gốc ngoại tệ	Tương đương VNĐ
Ngoại tệ				
▪ USD	4.330.629,00	98.348.584.590	793.766,71	18.018.504.317
▪ EUR	794,75	19.208.312	797,30	19.013.213
		98.367.792.902		18.037.517.530

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ:**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng doanh thu	11.114.789.838.470	9.577.099.914.346
• Doanh thu bán hàng hóa	351.923.936.527	341.814.675.771
• Doanh thu bán thành phẩm	10.734.619.011.262	9.207.035.000.543
• Doanh thu cung cấp dịch vụ	8.472.750.868	7.575.232.601
• Doanh thu kinh doanh bất động sản	3.848.637.101	3.812.803.848
• Doanh thu kinh doanh khác	15.925.502.712	16.862.201.583
Các khoản giảm trừ doanh thu:	13.972.952.667	26.772.939.210
• Chiết khấu thương mại	4.578.603.537	-
• Giảm giá hàng bán	-	-
• Hàng bán bị trả lại	9.394.349.130	26.772.939.210
Doanh thu thuần	11.100.816.885.803	9.550.326.975.136
<i>Trong đó:</i>		
• Doanh thu thuần bán hàng hóa, thành phẩm	11.088.495.497.834	9.538.938.938.687
• Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	12.321.387.969	11.388.036.449

Trong đó doanh thu với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty con	95.652.615.022	91.076.623.613
- Công ty TNHH Một Thành viên Bò Sữa Việt Nam	8.488.294.200	2.047.540.267
- Công ty TNHH Một Thành viên Sữa Lam Sơn	66.055.114.812	72.787.066.810
- Công ty TNHH Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa	649.016.310	427.716.750
- Angkor Dairy Products Co., Ltd.	20.460.189.700	15.814.299.786
Công ty liên doanh liên kết	2.888.454.034	127.348.524
- Công ty Cổ phần Nguyên liệu Thực phẩm Á Châu Sài Gòn	2.793.720.034	127.348.524
- Công ty Cổ phần APIS	94.734.000	-
Cộng	98.541.069.056	91.203.972.137

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

2. Giá vốn hàng bán

	Kỳ này	Kỳ trước (trình bày lại)
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	271.823.809.214	276.477.950.380
- Giá vốn của thành phẩm đã bán	5.177.821.618.230	4.339.778.869.757
- Giá vốn của thành phẩm đã khuyến mại	172.135.017.150	193.938.563.284
- Giá vốn của dịch vụ	1.797.181.337	1.318.657.438
- Chi phí hoạt động của bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê	2.032.943.599	1.918.572.451
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5.969.391.673)	(1.527.610.161)
Cộng	5.619.641.177.857	4.811.905.003.149

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
- Lãi tiền gửi	175.338.534.397	143.050.475.520
- Lãi trái phiếu	9.935.136.986	9.286.986.295
- Cổ tức	-	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	11.210.705.759	10.228.787.262
- Lãi do sáp nhập công ty con (Thuyết minh VIII.4)	430.894.168.467	-
Cộng	627.378.545.609	162.566.249.077

4. Chi phí tài chính

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí lãi vay	9.310.000.000	3.984.386.101
- Chi phí lãi cho các khoản ký quỹ nhận được	711.492.000	437.937.521
- Phí giao dịch mua bán chứng khoán	-	783.300
- Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	8.938.674.773	17.333.964.716
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	-	229.430.300
- Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	(22.758.518.166)	(54.757.450.039)
Cộng	(3.798.351.393)	(32.770.948.101)

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

5. Thu nhập khác

	Kỳ này	Kỳ trước
- Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	1.049.766.667	21.200.000
- Bồi thường nhận từ các bên khác	1.962.382.234	663.454.395
- Thu hỗ trợ từ nhà cung cấp	11.000.000.000	29.252.000.000
- Thu từ các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ	-	2.000.000
- Thu từ các khoản thuế được hoàn	3.573.741	-
- Thu nhập khác	1.191.731.100	955.209.929
Cộng	15.207.453.742	30.893.864.324

6. Chi phí khác

	Kỳ này	Kỳ trước
- Giá trị còn lại của TSCĐ đã thanh lý	556.245.796	-
- Chi phí thanh lý TSCĐ	1.500.000	-
- Chi phạt do vi phạm hợp đồng	17.360.000	7.903.632
- Thuế bị phạt, bị truy thu	444.721.668	-
- Chi phí khác	4.235.353.900	534.778.168
Cộng	5.255.181.364	542.681.800

7. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.558.447.387.729	4.065.946.539.791
- Chi phí nhân công	323.300.538.716	298.295.624.337
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	228.615.370.501	223.194.769.924
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	415.491.834.269	394.938.133.747
- Chi phí khác	2.102.241.562.809	2.208.341.470.870
Cộng	7.628.096.694.024	7.190.716.538.669

Trong đó bao gồm:

Chi phí sản xuất

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	4.544.791.472.813	4.056.287.209.265
- Chi phí nhân công	182.121.875.018	175.240.613.089
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	205.985.663.612	200.105.431.267
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	163.044.458.640	153.766.417.211
- Chi phí khác	185.866.936.584	204.783.655.892
Cộng	5.281.810.406.667	4.790.183.326.724

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

Chi phí bán hàng

	Kỳ này	Kỳ trước (trình bày lại)
- Chi phí cho nhân viên	73.313.721.386	67.505.073.746
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	10.522.989.398	7.269.768.660
- Chi phí dụng cụ đồ dùng bán hàng	26.428.942.864	16.683.136.155
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.879.439.010	6.312.022.474
- Chi phí bảo hành	6.578.886.839	4.942.701.590
- Chi phí vận chuyển hàng bán	116.289.809.709	116.295.899.492
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	82.942.976.303	72.257.105.828
- Chi phí quảng cáo, nghiên cứu thị trường	327.492.538.926	366.156.135.158
- Chi phí dịch vụ khuyến mại, trưng bày, giới thiệu sản phẩm, hỗ trợ bán hàng	1.528.611.706.592	1.590.016.346.523
Cộng	2.179.061.011.027	2.247.438.189.626

Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí cho nhân viên	67.864.942.312	55.549.937.502
- Chi phí vật liệu quản lý	3.132.925.518	2.389.561.866
- Chi phí đồ dùng văn phòng	1.071.706.331	1.382.282.377
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	15.750.267.879	16.777.316.183
- Thuế, phí, lệ phí	2.283.061.117	1.662.406.891
- Chi phí dự phòng	190.002.067	283.503.100
- Chi phí vận chuyển	12.123.359.047	9.505.549.294
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	41.091.230.570	43.113.161.922
- Chi phí nhập hàng	3.206.516.498	4.823.042.912
- Công tác phí	9.144.224.927	7.625.371.254
- Chi phí dịch vụ ngân hàng	1.040.714.878	1.017.969.500
- Chi phí khác bằng tiền	10.326.325.186	8.964.919.518
Cộng	167.225.276.330	153.095.022.319

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

8. Thuế thu nhập**a. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành**

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	520.403.312.299	427.588.486.199
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành kỳ này	(1.024.440.023)	9.332.759.648
Cộng	519.378.872.276	436.921.245.847

b. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	12.038.976.200	833.212.911
- (Chi phí)/thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
- Thu nhập thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
Cộng	12.038.976.200	833.212.911

c. Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận kế toán trước thuế	3.776.018.589.969	2.563.577.139.744
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	755.203.717.994	512.715.427.949
Ảnh hưởng của chênh lệch thuế suất của các chi nhánh và nhà máy của Công ty	(6.200.886.375)	(2.331.038.337)
Thu nhập không bị tính thuế	(86.178.833.693)	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.848.523.301	1.393.750.182
Ưu đãi thuế	(108.008.885.778)	(83.356.440.684)
Tài sản thuế hoãn lại không được ghi nhận	(24.221.346.947)	-
Dự phòng (thừa)/thiếu trong kỳ trước	(1.024.440.026)	9.332.759.648
	531.417.848.476	437.754.458.758

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan:

Cổ đông lớn nhất của Công ty là Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn Nhà nước (“SCIC”), sở hữu 39,33% vốn điều lệ của Công ty. SCIC được kiểm soát bởi Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Trong kỳ, các giao dịch sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

i) Mua hàng hóa và dịch vụ:

	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty con	564.398.262.358	475.094.770.332
Công ty TNHH Một Thành viên Bò Sữa Việt Nam	243.340.105.756	154.574.863.473
Công ty TNHH Một Thành viên Sữa Lam Sơn	167.859.943.752	191.953.940.834
Công ty TNHH Một Thành viên Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa	780.000	-
Vinamilk Europe Spółka Z Ograniczona Odpowiedzialnoscia	152.855.988.600	128.565.966.025
Angkor Dairy Products Co., Ltd.	341.444.250	-
Công ty liên kết	15.612.929.700	24.586.164.960
Miraka Limited	-	24.586.164.960
Công ty Cổ phần APIS	15.612.929.700	-
	580.011.192.058	499.680.935.292

ii) Mua Tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang:

	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty con		
- Công ty TNHH Một Thành viên Sữa Lam Sơn	-	3.612.823.529
	-	3.612.823.529

iii) Bán Tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang:

	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty con		
- Công ty TNHH Một Thành viên Bò Sữa Việt Nam	13.590.910	-
	13.590.910	-

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

iv) Góp vốn đầu tư vào các bên liên quan

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Công ty con		
- Công ty TNHH Một Thành viên Bò Sữa Việt Nam	-	50.000.000.000
- Công ty TNHH Một Thành viên Bò Sữa Thống Nhất Thanh Hóa	110.000.000.000	-
	110.000.000.000	50.000.000.000

v) Các khoản chi cho các chức trách quản lý chủ chốt

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Lương và các quyền lợi gộp khác của thành viên Hội Đồng Quản trị và Ban Điều hành	52.419.441.604	45.328.708.190

2. Thông tin về bộ phận:

- Thông tin bộ phận được trình bày theo bộ phận cơ bản của Công ty là bộ phận chia theo khu vực địa lý.
- Kết quả của bộ phận bao gồm các khoản mục phân bổ trực tiếp cho một bộ phận cũng như cho các bộ phận được phân chia theo một cơ sở hợp lý. Các khoản mục không được phân chia bao gồm tài sản và nợ phải trả, doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, lợi nhuận và lỗ khác, và thuế thu nhập doanh nghiệp.
- Tài sản bộ phận và chi phí vốn không được trình bày do vị trí của tài sản và việc sản xuất chủ yếu là ở Việt Nam.

CHỈ TIÊU	Quý I năm 2017		Quý I năm 2016	
	Nội địa	Xuất khẩu	Nội địa (trình bày lại)	Xuất khẩu
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.994.159.286.922	1.120.630.551.548	8.091.024.877.271	1.486.075.037.075
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	13.972.952.667	-	26.772.939.210	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.980.186.334.255	1.120.630.551.548	8.064.251.938.061	1.486.075.037.075
4. Giá vốn hàng bán	5.252.061.784.849	367.579.393.008	4.255.359.909.891	556.545.093.258
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	4.728.124.549.406	753.051.158.540	3.808.892.028.170	929.529.943.817

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

3. Trình bày lại thông tin tài chính đã công bố:

- Công ty thực hiện phân loại lại nội dung Giá vốn hàng bán và Chi phí bán hàng tại Báo cáo tài chính giữa niên độ đã công bố trong 3 tháng đầu năm 2016: do Công ty có thay đổi hình thức thanh toán hoàn trả cho khách hàng (nhà phân phối) chi phí khuyến mại mua sản phẩm tặng sản phẩm cho khách hàng (điểm bán, người tiêu dùng). Theo hướng dẫn tại Thông tư 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp: "...chi phí khuyến mại bằng sản phẩm (xuất sản phẩm để khuyến mại) kèm theo các điều kiện khác như phải mua sản phẩm, hàng hóa (ví dụ như mua 2 sản phẩm được tặng 1 sản phẩm....) thì giá trị hàng khuyến mại được tính vào giá vốn hàng bán", các trường hợp khác chi phí khuyến mại được tính vào chi phí bán hàng.
- Báo cáo kết quả kinh doanh lũy kế 3 tháng năm 2016 trình bày lại các chỉ tiêu sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Lũy kế 3 tháng năm 2016	
		Đã công bố	Trình bày lại
4. Giá vốn hàng bán	11	5.499.205.941.944	4.811.905.003.149
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	4.051.121.033.192	4.738.421.971.987
8. Chi phí bán hàng	24	1.560.137.250.831	2.247.438.189.626
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	2.533.225.957.220	2.533.225.957.220

4. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán:

Ngày 15 tháng 4 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức là 2.000 VND mỗi cổ phiếu. Khoản cổ tức phải trả này chưa được trích lập trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

5. Giao dịch sáp nhập

- Công ty đã ký kết thỏa thuận sáp nhập với Công ty TNHH Một Thành viên Sữa Lam Sơn ("LSM"), là công ty con của Công ty, vào ngày 12 tháng 1 năm 2017, để sáp nhập toàn bộ tài sản và nợ phải trả theo giá trị hợp lý, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 3 năm 2017. Các tài sản và nợ phải trả của LSM được ghi nhận trong báo cáo tài chính riêng của Công ty theo giá trị hợp lý của LSM. Chênh lệch giữa giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào công ty con này và tài sản thuần mang sang được ghi nhận là khoản lãi hoặc lỗ trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN SỮA VIỆT NAM

Địa chỉ: 10 Tân Trào - Phường Tân Phú - Quận 7 - Thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho giai đoạn ba tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2017

- Việc sáp nhập này có ảnh hưởng đến tài sản và nợ phải trả của Công ty tại ngày sáp nhập như sau:

	Giá trị ghi sổ trước khi sáp nhập	Điều chỉnh	Giá trị hợp lý được ghi nhận khi sáp nhập
Tiền gửi ngân hàng	273.192.164.317	-	273.192.164.317
Phải thu của khách hàng	2.132.333.210	-	2.132.333.210
Trả trước cho người bán	190.755.240	-	190.755.240
Phải thu ngắn hạn khác	149.229.960	-	149.229.960
Hàng tồn kho	108.372.678.775	-	108.372.678.775
Chi phí trả trước ngắn hạn	4.517.210.588	-	4.517.210.588
Phải thu dài hạn khác	75.000.000	-	75.000.000
Giá trị còn lại của tài sản cố định	441.160.841.853	-	441.160.841.853
Giá trị còn lại của bất động sản đầu tư	1.983.368.750	-	1.983.368.750
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	295.492.565	-	295.492.565
Chi phí trả trước dài hạn	535.684.103	-	535.684.103
Phải trả người bán ngắn hạn	(15.073.662.484)	-	(15.073.662.484)
Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước	(10.509.016.255)	-	(10.509.016.255)
Phải trả người lao động	(1.530.984.833)	-	(1.530.984.833)
Chi phí phải trả ngắn hạn	(1.078.468.502)	-	(1.078.468.502)
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	(519.760.000)	-	(519.760.000)
Phải trả ngắn hạn khác	(310.884.935)	-	(310.884.935)
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	(1.663.272.218)	-	(1.663.272.218)
Dự phòng phải trả dài hạn	(224.541.667)	-	(224.541.667)
Tài sản thuần mang sang	801.694.168.467	-	801.694.168.467
Giá trị ghi sổ của khoản đầu tư vào LSM	370.800.000.000	-	370.800.000.000
Lãi do sáp nhập	430.894.168.467	-	430.894.168.467

**Quyền Giám đốc điều hành Tài chính
kiêm Kế toán trưởng**


Lê Thành Liêm

Lập ngày 10 tháng 5 năm 2017.

**Tổng Giám đốc****Mai Kiều Liên**